



## PHIẾU BỔ TRỢ NÂNG CAO TIẾNG VIỆT SỐ 1

### Cấu tạo từ, từ loại, từ đồng nghĩa

#### Bài 1. Cho các từ:

*núi sông*                      *rạng rỡ*                      *chen chúc*                      *cây*                      *dịu dàng*  
*xanh*                      *thành phố*                      *đổi mới*                      *xây dựng*

Hãy sắp xếp những từ trên vào từng cột trong bảng:

Từ đơn	Từ ghép	Từ láy
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

#### Bài 2. Xác định từ loại (DT, ĐT, TT) của các từ ngữ được gạch chân trong những câu văn dưới đây:

- Khiêm tốn là một đức tính quý báu
- Cô ấy rất thông minh và khiêm tốn nên bạn bè đều yêu mến.
- Chị ấy khiêm tốn trong ứng xử nên nhân viên rất nể trọng.
- Cuộc sống của nhân dân miền núi còn khó khăn lắm!
- Anh ấy đã vượt qua rất nhiều khó khăn trong cuộc sống.

f) Ánh nắng chiếu qua cửa sổ, chiếu cả vào mặt chiếu.

g) Con mèo con đuôi con chuột bé con con.

**Bài 3.** Đánh dấu X vào  đặt trước nhóm từ không đồng nghĩa.

Vui vẻ; phấn khởi; vui mừng; mừng rỡ.

Xây dựng; kiến thiết; kiến tạo; kiến nghị.

Tụ trường; khai giảng; khai trường.

Năm châu; hoàn cầu; trái đất; địa cầu.